

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **07/2017/KDTM-PT**

Ngày: 29/8/2017

V/v: “*Tranh chấp hợp
đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Tư

Cùng các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Ông Phạm Văn Tỉnh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương – Thư ký
Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông
Đặng Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử
phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 05/2017/TLPT-
KDTM ngày 07/8/2017 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2017/KDTM-ST ngày
30/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 79/2017/QĐ-PT ngày
18/8/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S

Trụ sở: phường N, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quốc H – Chức vụ: Chủ tịch hội đồng
quản trị.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Huỳnh Tôn T – chức vụ Giám đốc Ngân hàng
Thương mại cổ phần S chi nhánh Tiền Giang (Theo văn bản uỷ quyền số
390/GUQ-HC ngày 23/6/2016).

Đại diện uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Nguyễn Quốc H1 – Chức vụ:
Phó giám đốc kiêm trưởng phòng kinh doanh Ngân hàng Thương mại cổ phần S

chi nhánh Tiền Giang (Theo văn bản ủy quyền số 109/GUQ-2016 ngày 01/12/2016). (Có mặt)

2. Bị đơn:

Bà Phạm Thuý L, sinh năm 1979

Ông Nguyễn Minh T1, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: ấp C, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre

Bà L, ông T1 cùng ủy quyền cho anh Đặng Ngọc P, sinh năm 1978, địa chỉ: khu phố K, phường Z, thành phố Y, tỉnh Bến Tre tham gia tố tụng. (Xin vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phạm Văn P1, sinh năm 1959

3.2. Bà Võ Thị S, sinh năm 1954

Cùng địa chỉ: ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Bến Tre.

3.3. Chị Phạm Thị L1, sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp Q, xã Đ, huyện N, tỉnh Bến Tre.

3.4. Chị Phạm Thị Hồng L2, sinh năm 1994

Địa chỉ: ấp X, xã H, huyện N, tỉnh Bến Tre.

Ông P1, bà S, chị L1, chị L2 cùng ủy quyền cho anh Đặng Ngọc P, sinh năm 1978, địa chỉ: khu phố K, phường Z, thành phố Y, tỉnh Bến Tre tham gia tố tụng.

3.5. Chị Trương Thị Vân H2, sinh năm 1973 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp W, xã R, thành phố Y, tỉnh Bến Tre

3.6. Chị Phạm Thị P2, sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp O, xã I, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chị P2 ủy quyền cho anh Huỳnh Ngọc L3, sinh năm 1990, địa chỉ ấp K, xã J, huyện C, tỉnh Bến Tre tham gia tố tụng. (Xin vắng mặt)

Người kháng cáo: Bà Phạm Thuý L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm;

Theo đơn khởi kiện ngày 31/10/2016; bản tự khai; biên bản hòa giải; các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên Tòa ông Lê Nguyễn Quốc HI là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Doanh nghiệp tư nhân LB (DN LB) có ký hai hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại cổ phần S chi nhánh Tiền Giang (Ngân hàng) để hoạt động kinh doanh may mặc. cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số 72/2014/HĐTDTD-DN ngày 25/9/2014:

- Số tiền 1.500.000.000 đồng.

- Mục đích vay là thanh toán tiền mua máy móc, thiết bị và sửa chữa nhà xưởng;

- Lãi suất 13%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

- Thời hạn vay: 84 tháng, từ ngày 25/9/2014 đến 25/9/2021

- Dư nợ gốc tạm tính đến ngày 31/10/2016 là 1.180.000.000 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 82/2015/HĐTDHM-DN ngày 03/8/2015:

- Số tiền 1.000.000.000 đồng.

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động sản xuất quần áo may sẵn

- Lãi suất 12%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

- Thời hạn vay: 74 tháng, từ ngày 03/8/2015 đến 03/8/2021

- Dư nợ gốc tạm tính đến ngày 31/10/2016 là 1.000.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho việc vay Ngân hàng, DN LB có thể chấp cho Ngân hàng các tài sản sau:

- Quyền sử dụng đất diện tích 818,4m² thuộc thửa đất 445, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã R, thị xã Y, tỉnh Bến Tre do bà Trương Thị Vân H2 đứng tên quyền sử dụng.

- Quyền sử dụng đất diện tích 635m² thuộc thửa 1634, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre do ông Nguyễn Minh T1 và bà Phạm Thuý L đứng tên quyền sử dụng đất.

- Quyền sử dụng đất diện tích 651m² thuộc thửa 1073, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre do ông Nguyễn Minh T1 và bà Phạm Thuý L đứng tên quyền sử dụng đất.

- Quyền sử dụng đất diện tích 6.650m² thuộc thửa 1005, 1004, 944 tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã Đ, huyện N, tỉnh Bến Tre cấp cho hộ ông Phạm Văn P1 đứng tên quyền sử dụng đất.

Từ thời điểm vay đến ngày 31/10/2016 DN LB đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là 320.000.000 đồng, tiền lãi là 404.682.528 đồng.

Tuy nhiên, DN LB không trả nợ gốc và lãi đúng hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, đôn đốc bên vay thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng nhưng bên vay không còn khả năng thanh toán. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Minh T1 và bà Phạm Thuý L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền (tạm tính đến ngày 30/5/2017) là 2.484.062.189 đồng, trong đó nợ gốc là 2.180.000.000 đồng, lãi trong hạn là 148.297.985 đồng, lãi quá hạn 148.800.000 đồng, lãi phạt chậm trả 6.964.204 đồng. Trường hợp bà L, ông T1 không trả được nợ thì Ngân hàng yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp đã ký kết để thu hồi nợ. Đồng thời, Ngân hàng được tiếp tục tính lãi theo mức lãi suất theo các hợp đồng tín dụng đối với khoản nợ chưa thanh toán xong.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên Tòa ông Đặng Ngọc P là người đại diện theo uỷ quyền của bà Phạm Thuý L, ông Nguyễn Minh T1 trình bày:

Ông T1, bà L thừa nhận ngày 25/9/2014, DN LB do bà Phạm Thuý L làm chủ doanh nghiệp có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần S chi nhánh Tiền Giang số tiền 1.500.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 72/2014/HĐTDTD-DN ngày 25/9/2014 và đã trả được 320.000.000 đồng, còn lại 1.180.000.000 đồng và ngày 03/8/2015 DN LB vay tiếp của Ngân hàng số tiền 1.000.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 82/2015/HĐTDHM-DN ngày 03/8/2015. Hiện nay ông T1, bà L còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 2.180.000.000 đồng. Bà L, ông T1 đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền gốc còn nợ lại là 2.180.000.000 đồng, lãi trong hạn là 148.297.985 đồng, lãi quá hạn 148.800.000 đồng. Không đồng ý trả tiền phạt chậm thanh toán là 6.964.204 đồng.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên toà anh Đặng Ngọc P là người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn P1, bà Võ Thị S, chị Phạm Thị L1, chị Phạm Thị Hồng L2 trình bày:

Ông P1, bà S, chị L1, chị L2 không đồng ý xử lý tài sản thế chấp vì DN LB vẫn còn hoạt động. Hộ ông P1 chỉ là người đưa tài sản cho bị đơn thế chấp chứ không phải người vay tiền của Ngân hàng nên không đồng ý xử lý tài sản.

The các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trương Thị Vân H2 trình bày:

Chị có quan hệ bạn bè trong kinh doanh với bà L. Chị có cho bà L mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp bảo đảm khoản vay cho bà L tại Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Bà L hứa sẽ trả nợ cho Ngân hàng đúng hạn để chị nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đến nay bà L vẫn chưa trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị. Nếu bà L không trả được nợ cho Ngân hàng thì chị yêu cầu bà L bán tài sản gồm nhà, đất, nhà xưởng, các tài sản khác của bà L và cha mẹ của bà L để trả nợ Ngân hàng. Nếu xử lý hết tài sản thế chấp của bà L vẫn không đủ để trả cho Ngân hàng thì khoản nợ còn lại bà đồng ý trả mà không cần phải xử lý tài sản thế chấp của bà.

Theo đơn yêu cầu độc lập, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án anh Huỳnh Ngọc L3 là đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị P2 trình bày:

Hợp đồng thế chấp số 82C/2015/HĐTC ngày 07/8/2015 giữa Ngân hàng với hộ ông Phạm Văn P1 gồm ông P1, bà Võ Thị S, chị Phạm Thị L1, chị Phạm Thị P2, chị Phạm Thị Hồng L2. Khi giao kết hợp đồng chị Phạm Thị P2 không có ký tên nên chị P2 yêu cầu huỷ phần hợp đồng thế chấp này.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2017/KDTM-ST ngày 30/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc quyết định:

Áp dụng Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân gia đình; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S đối với bà Phạm Thuý L và ông Nguyễn Văn T1.

Bà Phạm Thuý L và ông Nguyễn Văn T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 30/5/2017 của hai hợp đồng tín dụng số 72/2014/HĐTDTD-DN ngày 25/9/2014 và hợp đồng tín dụng số 82/2015/HĐTDHM-DN ngày 03/8/2015 là 2.484.062.189 đồng. Bao gồm:

- Số tiền 1.324.585.659 đồng, trong đó nợ gốc là 1.180.000.000 đồng, lãi trong hạn 138.129.861 đồng, phạt chậm trả lãi 6.445.798 đồng theo hợp đồng tín dụng số 72/2014/HĐTDTD-DN ngày 25/9/2014.

- Số tiền 1.159.476.530 đồng, trong đó nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, lãi trong hạn 10.168.124 đồng, lãi quá hạn 148.800.000 đồng, phạt chậm trả lãi 508.406 đồng theo hợp đồng tín dụng số 82/2015/HĐTDHM-DN ngày 03/8/2015.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Phạm Thị P2 về việc yêu cầu huỷ hợp đồng thế chấp số 82C/2015/HĐTC ngày 07/8/2015 giữa Ngân hàng với hộ ông Phạm Văn P1.

Trường hợp DN LB không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu thi hành án phát mãi tài sản theo các hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ. Cụ thể:

Hợp đồng thế chấp số 72/2014/HĐTC ngày 25/9/2014 và hợp đồng thế chấp số 82A/2015/HĐTC ngày 03/8/2015 thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 818,4m² thuộc thửa đất 445, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã R, thị xã Y, tỉnh Bến Tre do bà Trương Thị Vân H2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hợp đồng thế chấp số 82B/2015/HĐTC ngày 07/8/2015 thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 635m² thuộc thửa 1634, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre do ông Nguyễn Minh T1 và bà Phạm Thuý L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất.

Hợp đồng thế chấp số 82B/2015/HĐTC ngày 07/8/2015 thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 651m² thuộc thửa 1073, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre do ông Nguyễn Minh T1 và bà Phạm Thuý L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Hợp đồng thế chấp số 82C/2015/HĐTC ngày 07/8/2015 thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 6.650m² thuộc thửa 1005, 1004, 944 tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã Đ, huyện N, tỉnh Bến Tre cấp cho hộ ông Phạm Văn P1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các bên.

Ngày 28/6/2017 bà Phạm Thuý L kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, không đồng ý trả tiền phạt chậm thanh toán và yêu cầu huỷ hợp đồng thế chấp số 82C/2015/HĐTC ngày 07/8/2015.

Tại phiên Toà phúc thẩm bà L vẫn giữ quan điểm kháng cáo. Ngân hàng vẫn giữ quan điểm khởi kiện.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng theo pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đối với kháng cáo không đồng ý trả số tiền phạt chậm thanh toán là 6.964.204 đồng. Mặc dù trong các Hợp đồng tín dụng đã ký kết có quy định về tiền phạt chậm trả lãi nhưng tiền phạt này không có văn bản pháp luật nào quy định. Do đó, sự thỏa thuận này là trái pháp luật nên không được chấp nhận. Đối với yêu cầu huỷ hợp đồng thế chấp của bà Phạm Thuý L. Bà L cho rằng phần đất thuộc thửa 1004, 1005 và 944 là cấp cho hộ ông Phạm Văn P1 nhưng khi ký kết hợp đồng bà không có ký tên vào hợp đồng thế chấp số 82C/2015/HĐTC ngày 07/8/2015. Tuy nhiên, tại hợp đồng thế chấp và đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 07/8/2015 thì bà L có ký tên vào hai biên bản này do đó lời trình bày của bà L là không có căn cứ. Ngoài ra bà còn cho rằng khi ký kết hợp đồng chị P2 là thành viên trong hộ nhưng không ký tên vào hợp đồng thế chấp nên bà yêu cầu huỷ hợp đồng thế chấp. Tại kết luận giám định số 41/2017/KLGĐ ngày 10/4/2017 xác định không đủ cơ sở để xác định chữ ký “Phon” trong hợp đồng thế chấp có phải do cùng một người ký ra hay không chứ không khẳng định chữ ký này không phải của chị P2. Tại thời điểm cấp đất chị P2 còn nhỏ nên không có căn cứ cho rằng chị có công sức đóng góp để tạo nên tài sản này. Do đó, chị P2 không có quyền đối với các thửa đất nêu trên. Việc thế chấp quyền sử dụng đất của hộ ông P1 là phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị sửa một phần án sơ thẩm, chấp nhận một phần kháng cáo của bà L về việc không chấp nhận số tiền phạt chậm thanh toán là 6.964.204 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Doanh nghiệp tư nhân LB (DN LB) do bà Phạm Thuý L làm chủ doanh nghiệp có ký hai hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại cổ phần S chi nhánh Tiền Giang để hoạt động kinh doanh may mặc. cụ thể: Hợp đồng tín dụng số 72/2014/HĐTDTD-DN ngày 25/9/2014; Số tiền 1.500.000.000 đồng; Mục

đích vay là thanh toán tiền mua máy móc, thiết bị và sửa chữa nhà xưởng; Lãi suất 13%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Thời hạn vay: 84 tháng, từ ngày 25/9/2014 đến 25/9/2021 và Hợp đồng tín dụng số 82/2015/HĐTDHM-DN ngày 03/8/2015; Số tiền 1.000.000.000 đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động sản xuất quần áo may sẵn; Lãi suất 12%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Thời hạn vay: 74 tháng, từ ngày 03/8/2015 đến 03/8/2021. Tổng dư nợ của hai hợp đồng tín dụng nêu trên tạm tính đến ngày 30/5/2017 là 2.484.062.189 đồng, trong đó nợ gốc là 2.180.000.000 đồng, lãi trong hạn là 148.297.985 đồng, lãi quá hạn 148.800.000 đồng, lãi phạt chậm trả 6.964.204 đồng. Do bà L và ông T1 không thực hiện đúng thỏa thuận của hợp đồng về việc trả nợ gốc và lãi nên Ngân hàng yêu cầu ông, bà phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nêu trên. Trường hợp không trả được nợ thì Ngân hàng phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Bị đơn đồng ý số tiền gốc và lãi trong hạn, quá hạn nhưng không đồng ý trả lãi phạt chậm thanh toán, đồng thời yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp số 82C/2015/HĐTC ngày 07/8/2015 giữa hộ ông Phạm Văn P1 với Ngân hàng do chị P2 không có ký tên vào hợp đồng thế chấp.

Đối với số tiền gốc (tạm tính đến 30/5/2017) là 2.180.000.000 đồng và lãi trong hạn là 148.297.985 đồng, lãi quá hạn là 148.800.000 đồng của hai hợp đồng tín dụng số 72/2014/HĐTDTD-DN ngày 25/9/2014 và hợp đồng tín dụng số 82/2015/HĐTDHM-DN ngày 03/8/2015 thì các bị đơn thừa nhận và đồng ý trả nên Ngân hàng không phải chứng minh. Do các bên không có kháng cáo hay ý kiến gì đối với yêu cầu này nên Tòa phúc thẩm không xem xét.

Đối với kháng cáo không đồng ý trả số tiền phạt chậm thanh toán là 6.964.204 đồng. Mặc dù trong các Hợp đồng tín dụng đã ký kết có quy định về tiền phạt chậm trả lãi nhưng tiền phạt này không có văn bản pháp luật nào quy định. Điều 301 Luật Thương mại quy định về phạt hợp đồng nhưng đây là một khoản tiền mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng chứ không phải số tiền được tính trên số lãi của hợp đồng tín dụng. Do đó, sự thỏa thuận này là trái pháp luật nên không được chấp nhận. Ông T1, bà L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền (tạm tính đến 30/5/2017) là 2.477.097.985 đồng, trong đó tiền gốc là 2.180.000.000 đồng và lãi trong hạn là 148.297.985 đồng, lãi quá hạn là 148.800.000 đồng.

Đối với yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp của bà Phạm Thuý L. Bà L cho rằng phần đất thuộc thửa 1004, 1005 và 944 là cấp cho hộ ông Phạm Văn P1 nhưng khi ký kết hợp đồng bà không có ký tên vào hợp đồng thế chấp số 82C/2015/HĐTC ngày 07/8/2015. Tuy nhiên, tại hợp đồng thế chấp và đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 07/8/2015 thì bà L có ký tên vào hai biên bản này do đó lời trình bày của bà L là

không có căn cứ. Ngoài ra bà còn cho rằng khi ký kết hợp đồng chị P2 là thành viên trong hộ nhưng không ký tên vào hợp đồng thế chấp nên bà yêu cầu huỷ hợp đồng thế chấp. Tại kết luận giám định số 41/2017/KLGD ngày 10/4/2017 xác định không đủ cơ sở để xác định chữ ký “Phon” trong hợp đồng thế chấp có phải do cùng một người ký ra hay không chứ không khẳng định chữ ký này không phải của chị P2. Đồng thời, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 407953 thì các thửa đất 1004, 1005 và 944 cấp cho hộ ông Phạm Văn P1 vào năm 2000. Tại thời điểm cấp đất chị P2 còn nhỏ nên không có căn cứ cho rằng chị có công sức đóng góp để tạo nên tài sản này. Do đó, chị P2 không có quyền đối với các thửa đất nêu trên. Việc thế chấp quyền sử dụng đất của hộ ông P1 là phù hợp với quy định của pháp luật nếu ông T1, bà L không trả được nợ thì Ngân hàng được phát mãi tài sản này theo hợp đồng thế chấp đã ký kết.

Từ những nhận định trên cho thấy kháng cáo của bà L là có cơ sở chấp nhận một phần đối với số tiền phạt chậm thanh toán là 6.964.204 đồng. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bà L không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Áp dụng khoản 2, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phạm Thuý L sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2017/KDTM-ST ngày 30/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Áp dụng Điều 342, Điều 355 Bộ luật dân sự; Điều 92, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S đối với bà Phạm Thuý L và ông Nguyễn Văn T1.

Cụ thể tuyên:

1. Buộc bà Phạm Thuý L và ông Nguyễn Văn T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 30/5/2017 của hai hợp đồng tín dụng số 72/2014/HĐTDTD-DN ngày 25/9/2014 và hợp đồng tín dụng số 82/2015/HĐTDHM-DN ngày 03/8/2015 là 2.477.097.985 đồng. Bao gồm:

- Số tiền 1.318.129.861 đồng, trong đó nợ gốc là 1.180.000.000 đồng, lãi trong hạn 138.129.861 đồng theo hợp đồng tín dụng số 72/2014/HĐTDTD-DN ngày 25/9/2014 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S với bà Phạm Thuý L và ông Nguyễn Văn T1.

- Số tiền 1.158.968.124 đồng, trong đó nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, lãi trong hạn 10.168.124 đồng, lãi quá hạn 148.800.000 đồng theo đồng tín dụng số 82/2015/HĐTDHM-DN ngày 03/8/2015.

2. Bà Phạm Thuý L và ông Nguyễn Văn T1 còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền gốc còn lại theo hợp đồng tín dụng số 72/2014/HĐTDTD-DN ngày 25/9/2014 và hợp đồng tín dụng số 82/2015/HĐTDHM-DN ngày 03/8/2015 kể từ ngày 31/5/2017 cho đến khi thi hành án xong.

3. Trong trường hợp bà Phạm Thuý L và ông Nguyễn Văn T1 không trả được nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ. Cụ thể:

Hợp đồng thế chấp số 72/2014/HĐTC ngày 25/9/2014 và hợp đồng thế chấp số 82A/2015/HĐTC ngày 03/8/2015 thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 818,4m² thuộc thửa đất 445, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã R, thị xã Y, tỉnh Bến Tre do bà Trương Thị Vân H2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hợp đồng thế chấp số 82B/2015/HĐTC ngày 07/8/2015 thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 635m² thuộc thửa 1634, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre do ông Nguyễn Minh T1 và bà Phạm Thuý L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất.

Hợp đồng thế chấp số 82B/2015/HĐTC ngày 07/8/2015 thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất diện tích 651m² thuộc thửa 1073, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre do ông Nguyễn Minh T1 và bà Phạm Thuý L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Hợp đồng thế chấp số 82C/2015/HĐTC ngày 07/8/2015 thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 6.650m² thuộc thửa 1005, 1004, 944 tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã Đ, huyện N, tỉnh Bến Tre cấp cho hộ ông Phạm Văn P1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S về việc yêu cầu bà Phạm Thuý L và ông Nguyễn Văn T1 phải trả số tiền lãi phạt chậm thanh toán là 6.964.204 đồng.

5. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Phạm Thị P2 về việc yêu cầu huỷ hợp đồng thế chấp số 82C/2015/HĐTC ngày 07/8/2015 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S với hộ ông Phạm Văn P1.

6. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bà Phạm Thuý L và ông Nguyễn Văn T1 phải liên đới chịu số tiền là 75.600.000 đồng.

Chị Phạm Thị P2 phải chịu số tiền án phí là 3.000.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số

0008242 ngày 20/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, chị P2 còn phải tiếp tục nộp số tiền 2.700.000 đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 77.755.000 đồng theo biên lai thu số 0008858 ngày 14/7/2015 và số tiền tạm ứng án phí 1.808.000 đồng theo biên lai thu số 0003898 ngày 17/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M.

7. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm bà Phạm Thuý L không phải nộp, hoàn lại cho bà L số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng theo biên lai thu số 0008576 ngày 28/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M.

Trường hợp quyết định, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- TAND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Phòng GĐKT;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Tư